

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

---

**BÙI TIẾN DŨNG**

**NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA TRẦN ĐÌNH SỬ**  
**VỀ THI PHÁP HỌC**

**CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN VĂN HỌC**  
**MÃ SỐ: 60 22 32**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC VĂN HỌC**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. TRẦN KHÁNH THÀNH**

*Hà Nội, tháng 10 - 2009*

# LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thiện được cuốn luận văn này, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới thầy giáo hướng dẫn PGS.TS. Trần Khánh Thành - người đã tận tình, chu đáo, hướng dẫn em trong suốt quá trình thực hiện luận văn.

Đồng thời em xin gửi lời cảm ơn đến các thầy giáo, cô giáo, cán bộ của Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã nhiệt tình giảng dạy, trang bị tri thức khoa học cho em từ khi còn là sinh viên đến khi hoàn thành luận văn này.

Em cũng xin gửi lời cảm ơn tới sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện về mọi mặt của Đảng uỷ, Ban giám hiệu, các phòng ban chức năng, Tổ bộ môn Ngữ văn của Trường Dự bị Đại học Dân tộc Trung ương Việt Trì - Phú Thọ.

Qua đây xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè, người thân đã giúp đỡ động viên tôi trong suốt quá trình hoàn thành luận văn này.

Xin chân thành cảm ơn !

*Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2009*

**Người thực hiện**

**Bùi Tiến Dũng**

# PHẦN MỞ ĐẦU

## 1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI.

1.1. Thi pháp học xuất hiện rất sớm trong lịch sử nghiên cứu, phê bình văn học trên thế giới với công trình "*Nghệ thuật thi ca*" (Poetika) của Aristote (384 - 322 TCN). Nội dung của thi pháp học được khởi nguồn nuôi dưỡng bằng sự cộng hưởng của tư duy khoa học thời đại mà Aristote đề xuất: Đó là sự phát triển của tư duy khoa học duy vật biện chứng về sự vận động và phát triển của sự vật hiện tượng, xã hội; của lôgic học nghiêm ngặt; của sự đăng đối hài hòa giữa nội dung - hình thức của sự vật, hiện tượng. Mà tinh thần xuyên suốt làm nên khuôn hình của thi pháp học là tư duy khoa học duy vật biện chứng; là khả năng mã hoá, vật chất hoá thế giới tinh thần, thế giới nghệ thuật thông qua hệ thống công cụ, hệ thống hình thức khách quan.

Hơn 2000 năm, hơn 20 thế kỷ từ ngày được định danh, trên trục thời gian xuyên thiên niên kỷ và trong chiều kích không gian vũ trụ toàn thế giới, tinh thần thi pháp học từ Aristote được tiếp thu, bổ sung trên cơ sở những thành tựu của ngành khoa học xã hội nhân văn, đặc biệt là khoa học ngôn ngữ, chủ nghĩa thực chứng, khoa học lịch sử... Do đó, thi pháp học hiện đại, khởi nguồn từ Trường phái hình thức Nga, đã phục hưng khoa học thi pháp trong thế kỷ XX và tiếp tục ở thế kỷ XXI. Ngày nay, trong nghiên cứu, phê bình văn học, thi pháp học đã trở nên quen thuộc. Trần Đình Sử gọi thi pháp là bộ môn khoa học cổ xưa nhất, đồng thời cũng là bộ môn hiện đại nhất của khoa học nghiên cứu văn học. Trần Đình Sử khẳng định "Thi pháp học là một danh từ mới nhưng không xa lạ. Đó là tên gọi một bộ môn cổ xưa nhất nhưng cũng là bộ môn hiện đại nhất của nghiên cứu văn học, đang đem lại cho ngành này những luồng sinh khí mới" [77, trg 7].

1.2. Trong lịch sử nhân loại, giao lưu là một xu hướng tất yếu trong các hoạt động của đời sống xã hội. Giao lưu văn hóa luôn đi kèm với giao lưu kinh tế, giao lưu chính trị, con người. Hoạt động giao lưu

trên các lĩnh vực của đời sống xã hội là thể hiện sự phát triển, trình độ phát triển xã hội của dân tộc, giữa các dân tộc và khu vực trên thế giới. Văn hóa Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng trên.

Đặt thi pháp học trong dòng chảy của sự giao lưu văn hóa, chúng ta có thể thấy sự xuất hiện, phát triển của bộ môn khoa học này trong suốt mấy chục năm qua là một xu hướng tất yếu.

Hơn ba chục năm tồn tại và phát triển thi pháp học ở Việt Nam có sự đóng góp công sức, trí tuệ của tập thể đông đảo các nhà nghiên cứu văn học theo hướng thi pháp học [46, trg 62-64; 78, trg 13-25]. Nhưng hầu hết các nhà nghiên cứu chọn thi pháp học, còn rất ít người vinh dự được thi pháp học chọn. Hơn nữa, mỗi một lĩnh vực của đời sống xã hội đều có những nguyên tắc riêng chỉ có những người nào làm cho lĩnh vực mình chọn trở nên có hồn vía, phát triển thì mới được chính lĩnh vực ấy vinh danh. Nhắc đến thi pháp học ở Việt Nam rất nhiều nhà nghiên cứu nhắc ngay đến Trần Đình Sử như một nhà khoa học tiêu biểu nhất.

Để có được vị trí hàng đầu trong lĩnh vực thi pháp học ở Việt Nam, Trần Đình Sử phải nỗ lực để vượt lên chính mình, vượt qua ranh giới, giới hạn thời đại bằng sự say mê khoa học, bằng sự dũng cảm, bằng niềm tin vào tương lai và bằng ý chí "Sinh ư nghệ, tử ư nghệ". Mà tựu trung lại là xuất phát từ sự lặng thầm, miệt mài học tập, nghiên cứu thi pháp học. Trong hơn nửa thế kỷ học tập, giảng dạy, nghiên cứu văn học Trần Đình Sử ghi được nhiều dấu mốc quan trọng. Từ công việc giảng dạy, nghiên cứu, đến những công trình nghiên cứu và những giải thưởng cao quý [76, trg 7-8]. Riêng về các công trình nghiên cứu thi pháp học, nghiên cứu văn học theo hướng thi pháp học phải kể đến: *Thi pháp thơ Tố Hữu (1987)*, *Những thế giới nghệ thuật thơ (1995)*, *Lý luận và phê bình văn học (1996)*, *Dẫn luận thi pháp học (1998)*. *Mấy vấn đề về thi pháp văn học trung đại Việt Nam (1999)*. *Văn học và thời gian (2001)*, *Thi pháp Truyện Kiều (2001)*...

Đó là những căn cứ để chúng ta chờ đợi những đóng góp quan trọng tiếp theo của Trần Đình Sử về thi pháp học.

1.3. Hiện nay, yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học văn là vấn đề mang tính thời sự, được đặt ra cấp thiết. Mặc dù, đã có những kết luận mang tính pháp qui về yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học; tuy nhiên, trong thực tế, việc hiểu và thực hiện của giáo viên và học sinh vẫn còn nhiều điều chưa thống nhất [97].

Chúng tôi không có tham vọng bàn sâu về lý luận hay ứng dụng cho đổi mới phương pháp dạy học văn. Bởi nội dung này là thiết thực, cấp bách nhưng nằm ngoài phạm vi nghiên cứu của đề tài. Điều mà chúng tôi quan tâm là, thông qua tìm hiểu, nghiên cứu về thi pháp học và những đóng góp của Trần Đình Sử về thi pháp học trên cả hai bình diện lý luận và ứng dụng trong nghiên cứu văn học Việt Nam, sẽ góp thêm tiếng nói đổi mới phương pháp dạy học văn, khi đưa thi pháp học hướng dẫn học sinh, giáo viên tiếp cận giờ dạy văn. Các lý do mà chúng tôi quan tâm:

1. Thi pháp học là một bộ môn khoa học. Tính khoa học của thi pháp học đem lại tư duy khoa học cho người tiếp cận: Tư duy hệ thống cấu trúc, tư duy lôgich, biện chứng, tư duy văn học, nghệ thuật, triết học, mỹ học.

2. Các phạm trù của thi pháp học là lựa chọn có tính chất công cụ và phương pháp để giúp người tiếp nhận có cái nhìn khoa học, chủ động, sáng tạo. Vì thế, sẽ khắc phục lối bình tán chủ quan thiếu căn cứ, quan niệm tuyệt đối hóa nội dung, chỉ cần ghi nhớ nội dung văn học.

3. Việc dạy học văn theo tinh thần thi pháp học là xu hướng chung của thế giới. Ở Việt Nam hiện nay đã có nhiều điều kiện thuận lợi: Đội ngũ nhà thi pháp học hùng hậu, có nhiều chuyên luận, tiểu luận về việc đưa thi pháp học tiếp cận giờ giảng văn [81, 40, 30], nhiều nội dung của sách giáo khoa và đề thi coi trọng hơn tới hình thức nghệ thuật. Hơn nữa, tinh thần thi pháp học phù hợp cho tư duy người giáo viên hiện đại. Bởi vì: "người giảng văn phải giải mã được ngôn ngữ tác phẩm, khám phá ra cấu trúc nội tại, tìm ra ý nghĩa của từng yếu tố hình thức, kỹ thuật trong việc thể hiện nội dung. Nếu nhà văn đi tìm cho nội dung một hình thức thích hợp nhất thì người giảng văn lại dựa vào hình thức để tìm đến nội dung của tác phẩm. Như vậy, không có hình thức thuần túy mà chỉ có

hình thức của một nội dung nhất định mà thôi. Tính nghệ thuật của tác phẩm chính là sự phù hợp nhất, thống nhất cao độ giữa hình thức và nội dung" [84, trg 118].

Dung hòa giữa những lý do khách quan và chủ quan, chúng tôi chọn đề tài "*Những đóng góp của Trần Đình Sử về thi pháp học*" làm đối tượng nghiên cứu của luận văn này.

## 2. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ.

Sức bật của tuổi trẻ, cộng hưởng bởi niềm say mê khoa học, niềm tin vào sức mạnh dân tộc sau ngày giải phóng thống nhất đất nước là động lực thôi thúc Trần Đình Sử học tập, nghiên cứu thi pháp học ngay trên quê hương của thi pháp học hiện đại. Sau khi về nước với sự hiểu biết sâu rộng, Trần Đình Sử chủ động, tích cực đưa thi pháp vào nghiên cứu văn học Việt Nam. Lần lượt những tiểu luận, chuyên luận về thi pháp học được Trần Đình Sử công bố (từ những năm 80 của thế kỷ XX đến nay) đã gây được tiếng vang đặc biệt. Sự thành công bước đầu ấy được nhiều đồng nghiệp và đông đảo giới nghiên cứu phê bình, cổ vũ, ghi nhận.

Năm 1989 (nghĩa là sau gần 10 năm, kể từ khi những tiểu luận, chuyên luận về thi pháp học của Trần Đình Sử được công bố) trên *Tạp chí văn học số 3*, Lã Nguyên "*đánh*" những tiếng trống cổ vũ đầu tiên. Rất quan tâm đến sự hấp dẫn của thi pháp học ở Việt Nam, Lã Nguyên nhận thấy: "quả là thơ Tố Hữu đã được phân tích đánh giá kĩ lưỡng ở nhiều cấp độ khác nhau trên cả mặt nội dung và hình thức, nhưng nghiên cứu tác phẩm của nhà thơ này từ góc độ tiếp cận của thi pháp học thì cho đến nay vẫn còn là mảnh đất trống" [61, trg 74].

Trên tinh thần khoa học nghiêm túc, dân chủ, Lã Nguyên thấy được thành công của Trần Đình Sử ở *Thi pháp thơ Tố Hữu* trên hai phương diện ứng dụng và lý luận thi pháp học. Ứng dụng thi pháp học vào nghiên cứu một đơn vị cụ thể, chính là đưa lý luận vào thực tiễn. Lã Nguyên viết: "trong chuyên luận của Trần Đình Sử, mọi đơn vị nghệ thuật, từ đơn vị vĩ mô như tác phẩm, thể tài đến đơn vị vi mô như nhịp điệu, câu, chữ đều được quy về một kiểu tư duy nghệ thuật, một kiểu quan hệ giữa chủ thể và khách thể phản ánh, giữa nhà thơ và phương

thức, phương tiện thể hiện. Còn logic phát triển của hình thức thơ trong sáng tác của Tố Hữu được lý giải thông qua sự vận động của các loại hình nội dung (từ thể tài đời tư, thể sự đến thể tài lịch sử - dân tộc) và sự vận động của quan niệm nghệ thuật về con người, về thế giới của bản thân tác giả. Nhờ thế, qua chuyên luận này người đọc tiếp nhận được một cái nhìn bao quát về toàn bộ sáng tác của Tố Hữu như một chỉnh thể nghệ thuật không ngừng vận động trong sự thống nhất toàn vẹn của nó" [61, tr 76]. Đồng thời, từ kiến giải thực tiễn sẽ nâng tầm lý luận, nâng tầm khoa học, trên tinh thần đó, Lã Nguyên đi đến khẳng định: "Thi pháp thơ Tố Hữu là một công trình khoa học nghiêm túc. Không có gì là quá đáng nếu nói rằng chuyên luận này với việc đưa ra hàng loạt khái niệm phạm trù công cụ mới như hình thức quan niệm, quan niệm nghệ thuật về con người... Trần Đình Sử đã góp phần hoàn thiện, nâng lên đỉnh cao mới một hướng thi pháp học hiện đại do ngành nghiên cứu văn học Xô Viết gợi ý... Đây là một trong những hướng thi pháp học hiện đại có nhiều triển vọng nhất, bởi nó mở ra khả năng giải quyết hàng loạt vấn đề mà mỹ học nhiều thế kỷ đặt ra nhưng chưa có câu trả lời thỏa đáng" [61, tr 78].

Năm 1991, Nguyễn Lai, qua *Sức mạnh lý giải của hệ thống qua công trình "Thi pháp thơ Tố Hữu"* in trong sách *Ngôn ngữ và sáng tạo văn học* [49], đã nhận ra khả năng ứng dụng cao của thi pháp học trong nghiên cứu văn học. Đó là, việc Trần Đình Sử bằng thao tác hai chiều, vừa phát hiện vừa lý giải - của phương pháp hệ thống thể hiện ở các cấp độ, thể tài, hình tượng, ngôn ngữ, đã tạo thêm nhiều cái lý cho việc "tháo gỡ" quá trình sáng tạo nghệ thuật. "Nói khác, trong thế lý giải để phát hiện hệ thống ở đây, Trần Đình Sử đã cố gắng tạo ra cái lý từ sức sống đích thực của nghệ thuật để trả về cho sự lý giải đúng yêu cầu đặt ra của thi pháp học" [49, tr 91-92]. Và, cũng chính từ việc vận dụng tính hệ thống của thi pháp, Nguyễn Lai nhận thấy điểm nữa "Trần Đình Sử đã đưa lại một bước tiến đáng kể trong việc nhận dạng và lý giải mối quan hệ giữa nội dung và hình thức gắn với quá trình tạo nghĩa của nghệ thuật thơ" [49, tr 99].

Khi thi pháp học đi vào đời sống văn học, đi vào giảng đường đại học (qua nghiên cứu phê bình văn học, qua giảng dạy hướng dẫn nghiên cứu khoa học) thì cũng là lúc có nhiều nhà nghiên cứu quan tâm hơn đến thi pháp học trên bình diện nghiên cứu khoa học, giao lưu văn hóa, tổng hợp đánh giá... Vì lẽ đó, thi pháp học của Trần Đình Sử được trích dẫn, định hướng, ghi nhận đóng góp khá toàn diện.

Nguyễn Văn Dân là tác giả quen thuộc trong giới nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam. Trong chuyên luận *Phương pháp luận nghiên cứu văn học* (2004), một chuyên luận thuộc loại đầu tiên về lĩnh vực vô cùng khó khăn và phức tạp, là cuốn sách mang tính chất đúc kết thành tựu về phương pháp luận và về phương pháp của ngoài nước lẫn trong nước, Nguyễn Văn Dân trên quan điểm biện chứng giữa cái chung và cái riêng, đi tìm cái chung trong cái riêng để chia tách các phương pháp nghiên cứu văn học, đã xếp thi pháp học vào mục phương pháp hình thức với quan niệm "phương pháp hình thức là phương pháp phân tích có khía cạnh hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học - nghệ thuật để rút ra ý nghĩa thẩm mỹ của chúng" [8, trg 76].

Nguyễn Văn Dân nhận thấy qua việc ứng dụng "*phương pháp hình thức*" vào nghiên cứu văn học của thi pháp học đã xác lập được vị trí của thi pháp học ở Việt Nam cũng như người áp dụng, nghiên cứu nó. Nguyễn Văn Dân khẳng định "một cuốn sách chuyên luận đầu tiên ứng dụng thi pháp học ở nước ta thời hiện đại, đó là công trình Thi pháp thơ Tố Hữu của GS Trần Đình Sử, viết xong từ năm 1985... Đây là cuốn sách đầu tiên gọi tên đích danh thuật ngữ *thi pháp*" [8, trg 89] . Quan trọng hơn, Nguyễn Văn Dân còn khẳng định qua việc lý giải thơ Tố Hữu bằng khoa học thi pháp, Trần Đình Sử đưa ra công thức rất tiện lợi cho nhiều người: "Từ đây, công trình của Trần Đình Sử đã trở thành khuôn vàng thước ngọc cho một loạt các cuốn sách nghiên cứu về thi pháp" [8, trg 92]. Bốn năm sau, trong tiểu luận *Văn học Việt Nam đổi mới trong bối cảnh giao lưu văn hóa quốc tế*, Nguyễn Văn Dân cho rằng việc xuất hiện thi pháp học ở Việt Nam là tất yếu trong xu thế giao lưu quốc tế của văn



học, văn hóa và đương nhiên Nguyễn Văn Dân vẫn bảo lưu quan điểm đánh giá cao vai trò, vị trí và khả năng ứng dụng nghiên cứu của thi pháp học mà Trần Đình sử học tập nghiên cứu và vận dụng [9].

Một lần nữa từ sự so chiếu, đối sánh với các mô hình tiếp cận khác các cách đọc khác (cách đọc triết học, đạo đức học, chính trị học...), Lã Nguyên chứng minh *Thi pháp Truyện Kiều* của Trần Đình Sử là cách đọc văn hóa. Cách đọc này đòi hỏi nhà nghiên cứu phải sử dụng một hệ thống thao tác, phương pháp tương ứng. Nhìn từ góc độ tiếp cận ấy, Lã Nguyên thấy "được chiếu rọi qua cái mô hình đọc theo hướng thi pháp học hiện đại của Trần Đình Sử, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du bỗng ánh lên những vẻ đẹp mới, ý nghĩa mới mà trước kia, bằng những cách đọc cũ, ta chưa thể phát hiện, không thể nhìn thấy" [62, trg 74].

Đỗ Lai Thúy nhìn thi pháp học một cách khái quát, từ sự xuất hiện tới khi phát triển, chỉ ra được sự khác biệt khá rõ ràng giữa thi pháp học truyền thống và thi pháp học hiện đại, giữa thi pháp học Châu Âu và thi pháp học ở Nga. Từ góc nhìn về sự lan tỏa của thi pháp học, Đỗ Lai Thúy thấy thi pháp học cập bến ở Việt Nam với sự đưa đường, chỉ lối của Trần Đình Sử và Đỗ Đức Hiểu. Về phần Trần Đình Sử, Đỗ Lai Thúy có đánh giá về *Thi pháp thơ Tố Hữu* và *Thi pháp Truyện Kiều*, nhưng không đi ra ngoài những đánh giá của Lã Nguyên, Nguyễn Lai trước đó. Do cách tiếp cận "*lấy sọt úp voi*" (Coi phương pháp phê bình thi pháp học như toàn bộ khoa học thi pháp) nên Đỗ Lai Thúy chưa có cái nhìn thỏa đáng về thi pháp học của Trần Đình Sử [88].

Có lẽ nhờ cái duyên được làm *Tuyển tập Trần Đình Sử* mà Nguyễn Đăng Điệp có điều kiện tiếp xúc với Trần Đình Sử một cách hệ thống, khoa học cả về con người lẫn con đường khoa học. Chẳng lạ gì mà qua *Con đường khoa học của Trần Đình Sử* [16], Nguyễn Đăng Điệp có cái nhìn bao quát về thi pháp học của Trần Đình Sử. Nguyễn Đăng Điệp đã chứng minh được vị trí, vai trò, ảnh hưởng của thi pháp học Trần Đình Sử đối với nghiên cứu phê bình văn học ở Việt Nam. Nguyễn Đăng Điệp viết: "Trần Đình Sử là người giới thiệu vào Việt Nam một cách đầy đủ

và có hệ thống nhất về thi pháp học,... Phải đến Trần Đình Sử, thi pháp học hiện đại mới có tầm ảnh hưởng rộng lớn đến đời sống nghiên cứu và phê bình văn học”[16, trg10]. Bài viết này của Nguyễn Đăng Điệp là gợi ý trực tiếp cho chúng tôi trong quá trình chuẩn bị luận văn.

Gần đây, trên *Nghiên cứu Văn học*, Trần Đình Sử đã bình tĩnh nhìn lại con đường nghiên cứu thi pháp học ở Việt Nam với đôi mắt của người trong cuộc. Trong bài viết *Thi pháp học hiện đại trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam thế kỷ XX*, Trần Đình Sử lý giải vì sao thi pháp học lại phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam; đặc biệt, là đóng góp của chính mình vào sự phát triển chung đó. Từ việc học tập, tiếp thu ảnh hưởng thi pháp học từ các bậc tiền bối, đến việc vận dụng trong nghiên cứu ứng dụng, đánh giá một cách dân chủ, khách quan, Trần Đình Sử khẳng định mình "là người đầu tiên giới thiệu và vận dụng các phạm trù thi pháp học quan trọng" và "đề ra mô hình: quan niệm nghệ thuật về con người, không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật, cốt truyện nghệ thuật, phương thức lời văn nghệ thuật... Coi đó như một mẫu số chung để đi tìm đặc sắc riêng của thế giới nghệ thuật như là các tử số, chứ không phải để áp dụng trực tiếp một cách thô thiển" [78, trg 19-20].

Bài viết này là sự gợi ý trực tiếp, cùng với bài viết của Nguyễn Đăng Điệp, cho quá trình chuẩn bị luận văn của chúng tôi.

Là một trong những nhà lý luận văn học hàng đầu hiện nay, Phương Lựu luôn trăn trở với sự phát triển của lý luận văn học nước nhà. Trong bài viết *Lý luận văn học trên đường hội nhập và phát triển* [56], tác giả đã đánh giá sát đúng tình hình phát triển lý luận văn học ở Việt Nam. Mặc dù ở phía trước còn nguyên đòi hỏi lý luận văn học của ta phải phát triển từ yếu tố lên cấp độ hệ thống. Tuy vậy, Phương Lựu cũng đã ghi nhận những thành quả của lý luận văn học Việt Nam đạt được. Phương Lựu đi đến khẳng định "Trong nghiên cứu, phê bình đều gắn với những tác phẩm cụ thể. Thì có thể thấy hiện tượng vận dụng lý thuyết của một trường phái lý luận nhất định để triển khai vấn đề... Nhưng tiêu biểu nhất về mặt này là những công trình về thi pháp của Trần Đình Sử" [56, trg 8]. Nhận thấy thi pháp học của Trần Đình Sử được tiếp thu thành

tự từ nhiều trường phái nên có sự phát triển đầy triển vọng, Phương Lựu viết "chính vì hút nhụy từ nhiều tinh hoa như vậy (tất nhiên không bao giờ có thể tận nguồn) cho nên thi pháp hóa ở Trần Đình Sử mang một xung lực mạnh, nó có thể và đã triển khai sự vận dụng vào việc nghiên cứu văn học nước nhà trên ba cấp độ... nhưng ở mỗi cấp độ lại còn vẫn chứa đựng thêm những khía cạnh lý luận tương ứng"[56, trg 8].

Như vậy, qua những bài viết trên về thi pháp học của Trần Đình Sử chúng tôi nhận thấy:

Thứ nhất: Đa phần các bài viết đều ghi nhận, cổ vũ những đóng góp của Trần Đình Sử về thi pháp học trên cả hai phương diện lý luận và ứng dụng.

Thứ hai: Trong khi nhìn nhận, đánh giá, do cách tiếp cận, mà một số bài viết chưa đánh giá thỏa đáng những đóng góp của Trần Đình Sử về thi pháp học, trên phương diện lý luận, ứng dụng; ở sức lan tỏa tới tinh thần đổi mới tư duy nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam.

Thứ ba: Mặc dù có những bài viết khá hệ thống về đóng góp của Trần Đình Sử nhưng theo chúng tôi, đó chỉ là những gợi ý để chúng tôi triển khai, phát triển luận văn theo một cấu trúc khác.

### **3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU.**

#### **3.1. Đối tượng nghiên cứu.**

Công trình nghiên cứu của Trần Đình Sử khá phong phú gồm hàng chục chuyên luận về lý luận văn học, về văn học sử nhưng chúng tôi chỉ tập trung đi sâu nghiên cứu những đóng góp của Trần Đình Sử về thi pháp học trên cả hai bình diện: Lý luận và thực tiễn nghiên cứu.

#### **3.2. Phạm vi nghiên cứu.**

Luận văn tập trung khảo sát những công trình lý luận về thi pháp học, những chuyên luận, tiểu luận nghiên cứu văn học theo hướng thi pháp học của Trần Đình Sử, những bài viết về các công trình thi pháp học của Trần Đình Sử.

### **4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

#### **4.1. Phương pháp phân tích, tổng hợp.**

Phân tích, tổng hợp là phương pháp khá quen thuộc của người nghiên cứu văn học. Thi pháp học của Trần Đình Sử là cả một hệ thống,

một chỉnh thể toàn vẹn. Muốn tìm hiểu người viết cần phải tháo gỡ, chia tách hệ thống, chỉnh thể thành bộ phận để đánh giá xem xét; đồng thời, phải khái quát để nâng cao vấn đề. Mục tiêu là đánh giá thỏa đáng đóng góp về thi pháp học của Trần Đình Sử.

#### **4.2. Phương pháp tiếp cận hệ thống.**

Phương pháp tiếp cận hệ thống đòi hỏi người nghiên cứu phải có tri thức hệ thống về quan hệ biện chứng, lý luận văn học, văn học sử... Tóm lại là hài hòa giữa hệ thống và tính cụ thể. Bản thân khoa học thi pháp là một hệ thống tri thức đa ngành, do đó tiếp cận hệ thống sẽ thấy được tính ổn định cũng như vận động phát triển của đối tượng.

#### **4.3. Phương pháp so sánh văn học.**

So sánh là phương pháp phổ biến trong tư duy nhận thức của con người. Phương pháp so sánh trong nghiên cứu văn học vừa có thuộc tính phổ biến vừa mang tính đặc thù. Chúng tôi sử dụng so sánh đồng đại và lịch đại để thấy được bản chất của đối tượng trong so sánh. Do khả năng nhận thức còn hạn chế luận văn này dừng lại ở mức độ thấp, đặt Trần Đình Sử bên cạnh những nhà thi pháp học đương đại và lịch đại để nhận diện rõ hơn, chính xác hơn vị trí, vai trò, đóng góp của Trần Đình Sử.

#### **4.4. Phương pháp tiếp cận lịch sử - xã hội.**

Đối tượng nghiên cứu của luận văn hình thành và phát triển trong bối cảnh lịch sử - văn hóa. Do đó chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận lịch sử - xã hội, nhằm đặt đối tượng vào đúng vị trí, tọa độ để đánh giá. Thi pháp học là khoa học nghiên cứu khách quan hình thức nghệ thuật đó là lý do chúng tôi sử dụng phương pháp nghiên cứu này tránh những suy diễn chủ quan.

### **5. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN.**

Ngoài phần **mở đầu** và **kết luận**, luận văn gồm 3 chương

- Chương 1: Thi pháp học và tình hình nghiên cứu thi pháp học hiện đại ở Việt Nam.
- Chương 2: Những đóng góp của Trần Đình Sử về lý luận thi pháp.
- Chương 3: Thành tựu nghiên cứu văn học của Trần Đình Sử từ hướng thi pháp học.

# NỘI DUNG

## CHƯƠNG 1:

### THI PHÁP HỌC VÀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU THI PHÁP HỌC HIỆN ĐẠI Ở VIỆT NAM

Thi pháp học là bộ môn khoa học có hàng nghìn năm tuổi, đeo trên ngực hàng chục "*huân chương cao quý*" do giới nghiên cứu, phê bình văn học sắc phong vì có "*chiến công*" "*giải phóng*" hình thức nghệ thuật, nâng hình thức nghệ thuật trong cái nhìn độc lập, biện chứng với nội dung của chính thể nghệ thuật và giữ cho văn học hương vị đặc trưng nghệ thuật được thanh khiết, cao quý. Hình dung như thế để thấy rằng, không thể viết một tiểu luận, chuyên luận về thi pháp học là có thể phản ánh được toàn diện sự vận động và phát triển cũng như đặc trưng của thi pháp học.

Viết luận văn này chúng tôi có đặt thành một chương: Thi pháp học và tình hình nghiên cứu thi pháp học hiện đại ở Việt Nam. Đặt tên chương như vậy, nhưng chúng tôi chỉ hướng tới mục tiêu trong giới hạn hẹp:

- Làm rõ nội dung các thuật ngữ, khái niệm liên quan tới phạm vi, đối tượng của luận văn.

- Đánh giá, nhận xét một cách khái quát về thi pháp học trên thế giới và thi pháp học ở Việt Nam.

- Mục tiêu là dựng dòng chảy của thi pháp học trên thế giới từ cổ đại tới đương đại, của thi pháp học hiện đại ở Việt Nam từ những năm 80 trở lại đây. Qua đó, nhằm tạo phong nền để đánh giá khách quan, thỏa đáng đóng góp của Trần Đình Sử về thi pháp học. Do vậy, mọi sự đi sâu, đánh giá toàn diện về thi pháp học nói chung đều nằm ngoài lựa chọn của chúng tôi.

#### 1.1. THI PHÁP HỌC VÀ CÁC PHẠM TRÙ THI PHÁP

##### 1.1.1. Khái niệm thi pháp, thi pháp học.

Khái niệm thi pháp, thi pháp học được giới nghiên cứu phê bình văn học quan tâm không chỉ ở quan niệm về một ngành khoa học mà chính là ở quan niệm thường trực về bản thể luận văn học.

Các công trình, tiểu luận về thi pháp học hoặc nghiên cứu văn học theo hướng thi pháp học đều khẳng định thuật ngữ thi pháp xuất hiện từ thời cổ đại, trong công trình "*kinh điển*" của Aristote "*Nghệ thuật thi ca*" (cách đây hơn 2300 năm). Thuật ngữ thi pháp (poetics, *póétique*) có nội hàm khởi thủy là cách, biện pháp, phương pháp mô phỏng, bắt chước để sáng tạo văn học. Nội hàm này được Aristote đề xuất: "Sử thi, bi kịch thì cũng như hài kịch và thơ ca tụng tửu thần, đại bộ phận nhạc sáo, nhạc đàn lục huyền - tất cả những cái đó, nói chung đều là, những nghệ thuật mô phỏng, giữa chúng có ba điểm khác nhau; hoặc thực hiện sự mô phỏng bằng cái gì hoặc mô phỏng cái gì; hoặc mô phỏng như thế nào - cho nên không phải lúc nào cũng giống nhau cả" [1, trg 11-12]... Về sau, các nhà nghiên cứu thường dịch là nghệ thuật thơ ca, phép làm thơ. *Từ điển Tiếng Việt* [95] năm 1997, Hoàng Phê chủ biên, hiểu thi pháp là phương pháp, qui tắc làm thơ; *Sổ tay từ Hán Việt* do Phan Văn Các, Lại Cao Nguyên biên soạn năm 1989 [7], hiểu thi pháp có hai nghĩa: 1. Phép làm thơ, 2. Nghệ thuật thơ văn. Còn *Từ điển của Pháp* 1998 cho biết thi pháp xuất phát từ động từ tiếng Hi Lạp nghĩa là "*làm*". Nó có ba nghĩa: 1. Nghệ thuật cấu tạo thơ. 2. Lý thuyết thuộc về bên trong của văn bản. 3. Toàn bộ những lựa chọn thuộc về văn học được nhà văn thực hiện trong tác phẩm [31, trg 30]. Như thế, thuật ngữ thi pháp từ khởi thủy tới hiện đại được bổ sung, mở rộng nội hàm. Tuy vậy, thuật ngữ này luôn bảo lưu hai nét nghĩa: 1. Cách làm thơ. 2. Tính nghệ thuật được nhà văn lựa chọn để sáng tạo văn chương.

Ở Trung Quốc, thuật ngữ thi pháp thường được các học giả từ đời Tống trở đi nói tới: Thế kỷ XIII có sách *Thi pháp chính tông* của Yết Khê Tư; thế kỷ XVI có *Thi pháp chính luận* của Phó Nhược Kim. Nội dung được nói tới của thuật ngữ thi pháp thường là phép làm thơ, vận luật thơ, hay là những nguyên tắc tạo hình, cấu tứ, cốt cách [69, trg 55].

Ở Việt Nam, khái niệm thi pháp, thi pháp học xuất hiện khá muộn, phải đến những năm 80 của thế kỷ XX mới được xác định. Theo Nguyễn

Xuân Kính thuật ngữ thi pháp, thi pháp học xuất hiện sớm nhất trong các bài báo: *Một số vấn đề lý thuyết chung về mối quan hệ văn học dân gian với văn học viết* của Lê Kinh Khiên (1980), *Về việc nghiên cứu thi pháp văn học dân gian* của Chu Xuân Diên (1980), *Chung quanh khái niệm thi pháp trong khoa nghiên cứu văn học Xô Viết hiện nay* của Vương Trí Nhàn (1981) [46, trg 53-56]. Và, chỉ đến Trần Đình Sử trong chuyên luận *Thi pháp thơ Tố Hữu* năm 1985, thi pháp, thi pháp học mới được hiểu, sử dụng theo nội hàm hiện đại. Nguyễn Văn Dân cho rằng, thuật ngữ thi pháp, thi pháp học, qua cách hiểu, giải thích và tiếp nhận ở Trần Đình Sử, đã mang tính nghề nghiệp, có khả năng ứng dụng cao. Nguyễn Văn Dân viết: “thuật ngữ thi pháp hay thi pháp học được dùng để chỉ một khái niệm nghề nghiệp mới, dễ có khả năng khái quát hóa thành các công thức, các mô hình, các qui phạm có khả năng vận dụng, thao tác” [9, trg 23].

Giữa thi pháp và thi pháp học có mối quan hệ qua lại biện chứng, đó là: quan hệ giữa đối tượng - khoa học về đối tượng ấy, giữa nghệ thuật - khoa học, giữa cụ thể - trừu tượng, khái quát. Về quan hệ giữa thi pháp và thi pháp học, Nguyễn Xuân Kính giải thích: “thi pháp là một tồn tại khách quan, là cái có trước, nó xuất hiện từ khi loài người bắt đầu biết sáng tạo nghệ thuật một cách tự giác. Thi pháp học là khoa học nghiên cứu về thi pháp, là cái có sau” [46, trg 20]. Chính vì thi pháp có nội hàm rộng chứa đựng trong nó vừa là văn học, vừa là quá trình văn học; do đó, thuật ngữ thi pháp và thi pháp học thuộc vào số những thuật ngữ được sử dụng sớm nhất và có sức sống lâu dài nhất của khoa nghiên cứu văn học.

Trong các ngành khoa học, chúng ta thấy có hiện tượng tên gọi của khoa học thường trùng khít hoàn toàn với tên gọi của đối tượng mà nó nghiên cứu như: Lịch sử vừa là lịch sử trong thực tế vừa là sử học; phong cách vừa là đối tượng của phong cách học vừa là khoa học về phong cách. Thuật ngữ thi pháp cũng vậy, “khái niệm này cũng vừa chỉ khoa học nhưng cũng vừa chỉ các thuộc tính của các hiện tượng văn học mà nó nghiên cứu” [44, trg 32]. Ở Việt Nam, mặc dù có sự phân biệt thi pháp và thi pháp học, nhưng trong nghiên cứu vẫn đồng nhất tên gọi vừa

là đối tượng vừa là khoa học về đối tượng ấy, ví như: *Thi pháp thơ Tố Hữu*, *Thi pháp Truyện Kiều* (Trần Đình Sử), *Thi pháp ca dao* (Nguyễn Xuân Kính), *Thi pháp thơ Huy Cận* (Trần Khánh Thành)....

Nếu như nội dung thuật ngữ thi pháp được hiểu khá thống nhất thì khái niệm thi pháp học cho đến nay còn nhiều sự khác biệt [xem thêm trong 77, 31, 90, 91]. Điều này có thể xuất phát từ chính sự mở rộng biên độ nội hàm của đối tượng nghiên cứu. Vì thế, dẫn đến sự mở rộng phạm vi nghiên cứu của thi pháp học. Hơn nữa, sự tiếp cận, nghiên cứu thi pháp học của các học giả phần lớn đều dựa trên những tiền đề khoa học, triết học, phê bình khác nhau: Chủ nghĩa cấu trúc, hiện tượng học, phân tâm học, chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa hình thức, ngôn ngữ học, dẫn đến những định nghĩa, khái niệm chưa đồng nhất.

Về phương diện định nghĩa, khái niệm, chúng tôi nêu định nghĩa khái niệm của *Từ điển thuật ngữ văn học*, chủ biên: Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi: "Thi pháp học là khoa học nghiên cứu thi pháp, tức hệ thống các phương tiện biểu hiện đời sống bằng hình tượng nghệ thuật trong sáng tác văn học. Mục đích của thi pháp học là chia tách và hệ thống hóa yếu tố của văn bản nghệ thuật tham gia vào sự tạo thành thế giới nghệ thuật, ấn tượng thẩm mỹ, chiều sâu phản ánh của sáng tác nghệ thuật.

Xét các chỉnh thể văn học thi pháp có thể nói tới thi pháp tác phẩm cụ thể, thi pháp một trào lưu thi pháp văn học một thời đại, thời kỳ lịch sử.

Xét các phương tiện, phương thức nghệ thuật đã được chia tách, có thể nói tới thi pháp của thể loại thi pháp của phương pháp, thi pháp kết cấu, thi pháp không gian, thời gian, thi pháp ngôn ngữ.

Xét về cách tiếp cận, thi pháp học đại cương (còn gọi là thi pháp học lí thuyết, thi pháp học hệ thống hóa hay thi pháp học vĩ mô), thi pháp học chuyên biệt (hay còn gọi là thi pháp hóa miêu tả vi mô) và thi pháp học lịch sử.

Thi pháp học đại cương lại được chia thành ba bộ phận, tương ứng với ba phương diện của văn bản; ngữ âm, từ vựng và hình tượng. Mục



đích của thi pháp học đại cương là xây dựng một hệ thống trọn vẹn các thủ pháp (tức là các yếu tố tác động thẩm mỹ), bao quát cả ba phạm vi trên, từ các biện pháp ngữ âm cho tới các hình tượng, môtip, cốt truyện... Phương tiện thi pháp hình tượng ít được nghiên cứu hơn cả, vì một thời gian dài người ta cho rằng thế giới nghệ thuật không khác gì so với thực tại, do đó đến nay lĩnh vực này vẫn chưa có một hệ thống hóa được chấp nhận phổ biến về các phương tiện nghệ thuật.

Thi pháp học chuyên biệt tiến hành việc miêu tả tất cả các phương tiện nói trên của sáng tác văn học nhằm xây dựng "mô hình" - hệ thống cá biệt của các thuộc tính tác động thẩm mỹ của tác phẩm. Vấn đề chính ở đây là kết cấu, tức là các tương quan của tất cả các yếu tố nói trên trong chỉnh thể nghệ thuật.

Các khái quát cuối cùng mà sự phân tích các phương tiện nghệ thuật sẽ dẫn đến là hình tượng thế giới (với đặc điểm cơ bản của nó là không gian nghệ thuật, thời gian nghệ thuật và hình tượng tác giả. Tác động qua lại của hai khái niệm này tạo nên điểm nhìn nghệ thuật có tác dụng quy định tất cả mọi điều cơ bản của cấu trúc tác phẩm.

Thi pháp học chuyên biệt có thể miêu tả tác phẩm văn học cá biệt, cũng như cụm tác phẩm trong sáng tác của một nhà văn, của một thể loại, một trào lưu hoặc một thể loại văn học.

Thi pháp học lịch sử nghiên cứu sự tiến hóa của các biện pháp nghệ thuật cũng như hệ thống các biện pháp ấy bằng phương pháp so sánh lịch sử nhằm vạch ra các đặc điểm chung của các hệ thống văn học thuộc các nền văn hóa khác nhau, xác định cội nguồn của chúng cũng như các quy luật chung của ý thức văn học nhân loại. Vấn đề chính của thi pháp học lịch sử là sự phát sinh phát triển của thể loại trong ý nghĩa rộng nhất của từ đó, là ranh giới phân chia phạm vi văn học và ngoài văn học với tất cả sự thay đổi lịch sử của chúng.

Thi pháp học đại cương trùng với bộ phận lí luận văn học nghiên cứu cấu trúc sáng tác văn học. Thi pháp học chuyên biệt và lịch sử cung cấp bức tranh đa dạng và phát triển tiến hóa của các mô hình và phương tiện nghệ thuật.

Thi pháp học giúp ta công cụ để thâm nhập vào cấu trúc tác phẩm, cốt cách tư duy của tác giả cũng như nắm bắt mã văn hóa nghệ thuật của các tác giả và các thời kỳ văn học nghệ thuật, từ đó nâng cao năng lực thụ cảm tác phẩm” [94, trg 256-258].

Theo chúng tôi việc dẫn định nghĩa trên có mấy lý do:

Một là, định nghĩa nằm trong tập hợp hơn 300 thuật ngữ văn học. Công trình này tiếp thu tư tưởng khoa học, học thuật chủ yếu từ Nga nhưng được tập thể biên soạn Việt hóa, với tôn chỉ "chú ý nên các định nghĩa tổng quát nhất, các diễn biến có tính lịch sử chỉ được giới thiệu phần nào".

Mục từ thi pháp và thi pháp học, được định nghĩa khá dài, đó chỉ là về mặt câu chữ; xét về tổng thể, đây là định nghĩa có tính khái quát nhất về thi pháp học: vừa nêu được đối tượng nghiên cứu, các cấp độ, chính thể nghệ thuật của thi pháp học vừa thể hiện được hình thức, tính nghệ thuật và quá trình vận động của các chính thể nghệ thuật.

Hai là, cuốn từ điển thuật ngữ này có tính chất phổ thông được nhiều chuyên luận, các nhà nghiên cứu phê bình văn học viện dẫn. Hơn nữa trong xu thế đưa thi pháp học để góp phần đổi mới phương pháp dạy học văn ở phổ thông cần có định nghĩa thống nhất vì học sinh thường thi chung một đề, có chung một đáp án.

Ba là, *Từ điển thuật ngữ văn học* được xây dựng bởi một tập thể đông đảo các nhà khoa học chung sức cùng làm, trong đó có sự đóng góp quan trọng của một trong ba đồng chủ biên là Trần Đình Sử, đặc biệt là việc xây dựng hệ thống các thuật ngữ, phạm trù quan trọng của thi pháp học.

### **1.1.2. Thi pháp học truyền thống và thi pháp học hiện đại.**

#### ***1.1.2.1. Thi pháp học truyền thống.***

Thi pháp học truyền thống được bắt đầu từ Aristote cho đến hết thế kỷ XVIII, XIX. Tinh thần của thi pháp học truyền thống là cái nhìn một chiều từ người sáng tác đến tác phẩm như: Cách thức viết, mô phỏng như thế nào, từ việc xác định dung lượng, kết cấu đến lựa chọn ngôn ngữ, nhân vật. Nghĩa là, thi pháp học truyền thống coi sáng tác văn chương như một nghề, có thể dạy cho nhau được, có thể bắt chước được.

Vì thế, thi pháp học truyền thống có những đặc trưng sau:

- Nhân mạnh nghiên cứu thể loại, ngôn từ để chỉ đạo sáng tác, đề xuất các lời khuyên (ở Trung Quốc, Việt Nam quan niệm "*Thi dĩ ngôn chí*", "*văn dĩ tải đạo*", "*thuật nhi bất tác*" là thể hiện đặc trưng này)

- Được xem là hiện tượng bất biến và cấu trúc văn học được xét theo nguyên tắc nguyên tử luận - nghệ thuật do các yếu tố nhỏ nhất liên kết với nhau mà thành, tác phẩm là tổng cộng các yếu tố riêng lẻ. Nguyên tắc thi pháp được hiểu thành những quy phạm, giáo điều.

- Vì đặc trưng thi pháp là tình qui phạm, giáo huấn, và dù làm nên sự phong phú uyên bác nhất định, nhưng thi pháp học truyền thống không đáp ứng được nhu cầu nhận thức về hệ thống hình thức nghệ thuật của người hiện đại.

#### ***1.1.2.2. Thi pháp học hiện đại.***

Thi pháp học hiện đại phát triển từ sự dừng lại của thi pháp học truyền thống, nghĩa là nó được cung cấp bởi hàng loạt thể giới qua khoa học hiện đại của chủ nghĩa hình thức Nga, chủ nghĩa cấu trúc, hiện tượng học, lý thuyết phân tâm học... Do đó thi pháp học hiện đại đã xác lập như một hệ thống cách tiếp cận mới đối với văn học:

- Văn học được xem như một sáng tác tạo bằng chất liệu, có đời sống lịch sử độc lập với tác giả.

- Văn học là một hệ thống ký hiệu, có bản chất biểu tượng, được tổ chức một cách đặc biệt để biểu hiện một nội dung nghệ thuật đặc thù.

Trần Đình Sử chọn thi pháp học hiện đại để dịch, nghiên cứu và ứng dụng vào nghiên cứu văn học đã đáp ứng đòi hỏi bức thiết từ yêu cầu của đời sống nghiên cứu, phê bình văn học ở Việt Nam. Và những thành quả mà Trần Đình Sử đã cống hiến cho nghiên cứu phê bình văn học Việt Nam cũng chính là từ hai bình diện của thi pháp học hiện đại là lý luận và ứng dụng trong nghiên cứu.

Vì thế, cùng với các xu hướng nghiên cứu khác, thi pháp học hiện đại đang gánh trên vai trọng trách, sứ mạng đổi mới và phát triển lĩnh vực nghiên cứu, phê bình văn học ở Việt Nam.

### **1.1.3. Các chỉnh thể văn học và các phạm trù thi pháp.**

**1.1.3.1. Các chỉnh thể văn học mang thi pháp** thường là một hệ thống các nguyên tắc và phương thức, phương tiện thể hiện nghệ thuật. Đối với các nhà nghiên cứu, các chỉnh thể văn học gồm: Tác phẩm văn học, tác giả sáng tác văn học, sáng tác văn học một thời hoặc một trào lưu, các thể loại văn học dân tộc. Ngay trong một tác phẩm văn học, những yếu tố cấu thành cũng được biểu hiện sinh động, nhưng được cấu trúc trong thể thống nhất giữa hình thức và nội dung của chỉnh thể nghệ thuật. Các chỉnh thể văn học khác: Tác giả, trào lưu, thể loại, giai đoạn, dân tộc cũng có những phương diện, bộ phận sinh động, biến đổi nhưng nhìn trong tính hệ thống, các chỉnh thể trên vẫn được tổ chức theo những nguyên tắc ổn định của chỉnh thể nghệ thuật.

Trong hệ thống thi pháp Trần Đình Sử nghiên cứu thì chỉnh thể nghệ thuật văn học được quan tâm đặc biệt ở các cấp độ:

- Thi pháp tác phẩm: *Thi pháp Truyện Kiều*
- Thi pháp tác giả: *Thi pháp thơ Tố Hữu*
- Thi pháp giai đoạn văn học: *Thi pháp văn học trung đại Việt Nam.*

Đây là hướng mà đề tài nghiên cứu của chúng tôi quan tâm.

### **1.1.3.2. Các phạm trù thi pháp.**

Trong hệ thống thi pháp học, các phạm trù thi pháp đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển chung của khoa học thi pháp. Nhiệm vụ của thi pháp học là phát hiện, miêu tả các phạm trù thi pháp cụ thể của chỉnh thể văn học với nội dung độc đáo, không lặp lại của chúng. Văn học phụ thuộc vào đời sống của tính sáng tạo của nhà văn. Sức sống ấy được đong đầy trong cấu trúc hình thức nghệ thuật của chỉnh thể thẩm mỹ. Do đó các phạm trù thi pháp hữu hiệu phải mang nội dung lịch sử cụ thể và sắc thái cá tính.

Bên cạnh các phạm trù của thi pháp học truyền thống, Trần Đình Sử rất quan tâm đến các phạm trù của thi pháp học hiện đại như: quan niệm nghệ thuật về con người, không gian, thời gian, kiểu tác giả, chi tiết nghệ thuật... Ở quan hệ biện chứng giữa lý luận và ứng dụng trong

hệ thống thi pháp học mà Trần Đình Sử quan tâm, nghiên cứu, thì bình diện lý luận có sức nặng riêng tạo được nhiều năng lượng để thu hút và tạo thành xu hướng nghiên cứu văn học theo hướng thi pháp học ở Việt Nam trong suốt mấy chục năm qua.

## 1.2. VÀI NÉT VỀ THI PHÁP HỌC TRÊN THẾ GIỚI

Đến nay, các nhà nghiên cứu văn học đều khẳng định rằng, thi pháp học ra đời từ thời cổ đại. Người khai sinh ra ngành khoa học này là Aristote (384 -322, TCN) cha đẻ của công trình *Nghệ thuật thi ca*.

Karl Marx gọi Aristote là nhà tư tưởng vĩ đại nhất của thời cổ đại. Hệ thống triết học của Aristote mang nội dung phê phán triết học Platon. Trên tinh thần đó "Aristote đã đề ra một loạt luận điểm quan trọng phản bác lại chủ nghĩa duy tâm của Platon. Ông thừa nhận sự tồn tại khách quan của thế giới vật chất; giới tự nhiên là toàn bộ những sự vật có một bản thể vật chất mãi mãi vận động và biến đổi. Do đó, muốn giải thích thế giới vận động, biến đổi thì không cần đến những ý niệm của Platon" [33, trg 81].

Đặt *Nghệ thuật thi ca* trong hệ thống triết học của Aristote, thì có thể nhận thấy cuốn sách viết trên tinh thần luận chiến. Theo Aristote nghệ thuật bản chất là bắt chước, mô tả cuộc sống; sáng tạo nghệ thuật không phải là một hoạt động thần bí, mà có thể dạy cho nhau được. Và, thông qua các hình thức vật chất, nhà thơ có thể mô phỏng tái tạo được thế giới tinh thần của con người, mang lại cảm hứng thích thú, thanh lọc cho độc giả.

Như vậy, thi pháp ra đời và phát triển mang cái nhìn khoa học, khách quan, duy vật biện chứng về hình thức sáng tạo nghệ thuật.

Tiếp sau thời kỳ cổ đại đến thời kỳ trung cổ, Phục hưng và cận đại, tinh thần thi pháp học từ Aristote tiếp tục được duy trì. Công trình thi pháp học *Nghệ thuật thơ* của Boileau tiêu biểu cho tinh thần ấy. Từ thực tế xuất hiện hai xu hướng nghệ thuật: Một là, sáng tác văn chương hoa mỹ mang tính hình thức chủ nghĩa, xu hướng này đại diện tư tưởng của quý tộc phong kiến, và xu hướng nghệ thuật tư sản mang màu sắc dung

tục, dễ dãi, gần cuộc sống. Trên tinh thần, quan niệm nghệ thuật cổ Hy Lạp đã đạt đến khuôn thước, hoàn hảo, mẫu mực và lấy nó để phát triển lên, Boileau viết *Nghệ thuật thơ* nhằm khắc phục lệch lạc của hai xu hướng nghệ thuật trên và đề ra xu hướng thứ ba: Nghệ thuật trong sáng gần với tự nhiên, được xây dựng dựa trên lý trí. Trong công trình của mình, quan niệm đáng chú ý của Boileau là luật tam duy nhất (thời gian, không gian, hành động). Quan niệm này có sức lan tỏa mạnh mẽ trong sáng tạo nên nghệ thuật ở Châu Âu đương thời. Với đóng góp này, ông được suy tôn là nhà lập pháp của chủ nghĩa cổ điển.

Sự phát triển tương đối song hành của các ngành khoa học trong các thế kỷ XVII, XVIII, XIX đã đóng vai trò động lực, đòn bẩy nâng cao tư duy nhận thức của con người về sự vật hiện tượng. Từ đó, góp phần phát triển xã hội. Trong tương quan này, dưới ánh sáng của các ngành khoa học, ở lĩnh vực nghệ thuật, vùng tối trong vòng tròn nhận thức đã bị thu hẹp dần. Tư duy nghệ thuật của người sáng tạo cũng như người phẩm bình gia tăng nhanh chóng. Thế giới tinh thần của con người, đối tượng quan trọng nhất của văn học, được vật chất hóa một cách khách quan thông qua tính hệ thống của các phạm trù của hình thức nghệ thuật. Không đảm đương được sứ mệnh của mình trước yêu cầu của thời đại mới, thi pháp học truyền thống đã thác sinh vào tư duy nghệ thuật của người sáng tạo hiện đại tạo nên sự phát triển nối tiếp: thi pháp học hiện đại ra đời.

Thi pháp học hiện đại, được đánh dấu từ Trường phái hình thức Nga, đã làm cuộc cách mạng thứ nhất trong nghiên cứu phê bình và là cuộc cách mạng thứ hai trong lịch sử thi pháp học (sau cuộc cách mạng của Aristote). Cuộc cách mạng của thi pháp học tạo nên ở thời điểm mà "khoa học văn học đã đánh mất tính độc lập của nó, hoàn toàn phụ thuộc vào những ngành nghiên cứu xa lạ" [90, trg 31]. Mà, động lực thúc đẩy Trường phái hình thức Nga ra đời là việc khắc phục quan điểm nghiên cứu tuyệt đối vai trò của nội dung, bỏ qua vai trò của hình thức nghệ thuật của trường phái lịch sử văn hóa. Nyiro Lajos nhận xét "trường phái lịch sử văn hóa Nga như Pypin, Vengerov và những người khác đã xuất

phát từ vai trò xã hội của văn học, và chỉ nghiên cứu các hiện tượng thuộc về nội dung của tác phẩm văn học. Họ hoàn toàn bỏ qua đặc trưng của văn học như một hình thái ý thức xã hội được thể hiện cả bằng hình thức nghệ thuật" [90, trg 32]. Tư tưởng khoa học của Trường phái hình thức Nga có sức lan tỏa mạnh mẽ, tạo nên xu hướng nghiên cứu hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học trên phạm vi thế giới. Nó kéo theo sự xuất hiện của các trường phái nghiên cứu: Phê bình mới Anh, Mỹ; trường phái hiện tượng học; thi pháp học cấu trúc, kí hiệu học; thi pháp học lịch sử [xem thêm trong 77 trg 15-29, 90, 91]... Dưới góc nhìn của thi pháp học hiện đại, lần đầu tiên hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học được soi chiếu trên nhiều phương diện, nhiều góc độ của khoa học xã hội nhân văn. Tựu trung, thi pháp học hiện đại xác lập được cái nhìn biện chứng của hình thức nghệ thuật trong quan hệ với nội dung nghệ thuật, trong giao thoa ảnh hưởng của lịch sử văn hóa tư tưởng ;và, trong sự vận động, phát triển của chính phạm trù này (xác lập qua quan hệ: chủ thể và đối tượng; chất liệu và thủ pháp; văn bản và ý nghĩa).

Như vậy, từ truyền thống tới hiện đại, từ cổ đại tới đương đại, thi pháp học vận động phát triển theo qui luật biện chứng: tạo nên một lượng mới, chất mới trong môi trường mới

Ở Trung Quốc thi pháp học truyền thống cũng đã xuất hiện sớm trong lịch sử. Công trình xuất hiện sớm nhất phải kể đến *Văn tâm điều long* của Lưu Hiệp. Cuốn sách là cẩm nang dạy cho người ta tinh túy của phép làm văn. Nhà nghiên cứu Vương Vận Hy nhận xét *Văn Tâm điều long* là "bộ sách chỉ đạo việc sáng tác văn chương, chứ không phải là loại sách như lý luận văn học" [ 77, trg 13, 14]. Các tác giả như Nghiêm Vũ, Chu Bật, Khương Quỳ, Ngụy Khánh Chi, Thẩm Đức Tiềm... đều dùng thuật ngữ "thi pháp" để chỉ phép làm thơ. Bên cạnh đó các nhà bình điểm tiểu thuyết như Kim Thánh Thán, Mao Tôn Cương, Lý Trác Ngô, Trương Trúc Pha... đều đi sâu phân tích nghệ thuật kể chuyện của tiểu thuyết, mở ra truyền thống thi pháp học tiểu thuyết của Trung Quốc [xem thêm 77, trg 13-14].

Thi pháp học truyền thống ở Trung Quốc, cũng như ở Phương Tây, đã phải dừng bước, thác sinh vào thi pháp học hiện đại, tạo nên mạch phát triển tiếp nối. Thi pháp học hiện đại ở Trung Quốc phát triển khi các nhà nghiên cứu phê bình văn học Trung Quốc tiếp thu, ảnh hưởng lý thuyết văn học ở phương Tây, đặc biệt là ở Nga. Ví dụ như trường hợp tiếp thu ảnh hưởng thi pháp học từ Nga (qua trường hợp nghiên cứu Bakhtin). Phải đến những năm 80, những công trình của Bakhtin mới được dịch, giới thiệu ở Trung Quốc; cho đến những năm 90 của thế kỷ XX, tư tưởng khoa học của Bakhtin được nghiên cứu toàn diện: từ dịch, giới thiệu nghiên cứu cho đến tổ chức hội thảo, xuất bản toàn tập, đào tạo những nhà "*Bakhtin học*" [23 trg 115-155].

Đánh giá chặng đường tiếp thu lí luận văn học phương Tây, những lý thuyết góp phần khoa học hóa, hiện đại hóa văn học Trung Quốc, Tiền Trung Văn nhận xét: "Từ những năm 80 của thế kỷ trước đến nay, lý luận văn học phương Tây được đưa vào Trung Quốc liên tục, nhất là của chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa cấu trúc, mỹ học hiện tượng luận đều có tác dụng to lớn đối với việc thúc đẩy quá trình khoa học hoá của các lý luận văn học đương đại. Vấn đề của tác phẩm văn học đương đại tồn tại như thế nào, lý thuyết và các tầng lớp trong cấu trúc tác phẩm văn học của hiện tượng học và phê bình mới đã giải quyết một cách tương đối khoa học phương thức tồn tại của tác phẩm văn học. Các lý thuyết về lạ hoá của chủ nghĩa hình thức Nga, tức là việc đổi mới cảm giác, về tính văn học đều có gợi ý cho chúng ta trong việc nhận thức đặc trưng của văn học" [98, trg 30-31].

Nhìn lại chặng đường của thi pháp học trên thế giới (cả ở TQ), từ truyền thống đến hiện đại, chúng tôi nhận thấy: Thi pháp học cũng như các ngành khoa học khác, ra đời, phát triển nhằm giải quyết các yêu cầu do thực tế đời sống văn học đặt ra. Bước đi của thi pháp học được định hướng bởi tư duy khoa học khách quan: từ vật chất hóa thế giới tinh thần đến hình thức hóa nội dung của thế giới nghệ thuật thông qua các công cụ vật chất, ngôn ngữ, qui tắc, văn bản. Sự phát triển của thi pháp học được nâng cánh từ nền móng của các trường phái triết học: ngôn ngữ học, phân tâm học, chủ nghĩa cấu trúc, hiện tượng luận, ký hiệu học chủ



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aristote (2007), Nghệ thuật thi ca, NXB Lao động, Hà Nội
2. Bakhtin (1992), Lý luận và thi pháp tiểu thuyết, NXB Văn học và Trường viết văn Nguyễn Du, Hà Nội.
3. Bakhtin (1998), Những vấn đề thi pháp Dostoievski, NXB Giáo dục, HN.
4. Nguyễn Hoa Bằng (2000), Thi pháp truyện ngắn Nam Cao, LATS Ngữ văn, Hà Nội.
5. Roland Barther (2008), Cái chết của tác giả, nghiên cứu văn học, số 2, trang 93-99
6. Iu. Bondarev (1985), Lựa chọn, NXB Lao động, Hà Nội.
7. Phan Văn Các - Lại Cao Nguyên (1989), Sổ tay từ Hán Việt, NXB GD, HN.
8. Nguyễn Văn Dân (2006), Phương pháp luận nghiên cứu văn học, NXB Khoa học xã hội, HN.
9. Nguyễn Văn Dân (2008), Văn học Việt Nam đổi mới trong bối cảnh giao lưu văn hóa quốc tế, Nghiên cứu văn học, số 7, trang 12-35.
10. Nguyễn Văn Dân (2009), Vấn đề mối quan hệ giữa văn nghệ với chính trị, Nghiên cứu văn học, số 4, trang 11-21.
11. Xuân Diệu (1998), Các nhà thơ Cổ điển Việt Nam, NXB Văn Học, HN.
12. Trương Đăng Dung (2001), Tác phẩm văn học như là quá trình, Văn học nước ngoài, số 3, trang 189-200.
13. Trương Đăng Dung (2005), Những giới hạn của Phê bình văn học, Văn học nước ngoài, số 3, trang 181 -188.
14. Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường ĐHKHXH&NV, Khoa văn học (2006), Những vấn đề mới trong nghiên cứu và giảng dạy văn học, NXB ĐHQG HN.
15. Phan Cự Đệ (2006), Tuyển tập, tập 1, NXB Giáo Dục, HN.
16. Nguyễn Đăng Điệp (2005), Con đường khoa học của Trần Đình Sử, Trần Đình Sử, Tuyển tập, tập 1, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 9 -30.
17. Trịnh Bá Đĩnh (1999) tuyển chọn và giới thiệu: Nguyễn Du về tác gia và tác phẩm, NXB Giáo dục, HN.

18. Hà Minh Đức - Bùi Văn Nguyên (1971), Thơ ca Việt Nam, hình thức và thể loại, NXB KHXH, Hà Nội.
19. Hà Minh Đức (1974), Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại, NXB KHXH, Hà Nội.
20. Hà Minh Đức (chủ biên) (1997), Lý luận văn học, NXB Giáo dục, HN.
21. Hà Minh Đức (2004), Tuyển tập, 3 tập, NXB, Hà Nội
22. Terry Eagleton (2009), Chủ nghĩa Marx về phê bình văn học, NXB Tri thức, Hà nội.
23. Hiểu Hà (2008), Nghiên cứu Bakhtin ở Trung Quốc, Nghiên cứu văn học số 9, trang 115 - 122.
24. Hồ Thế Hà (2004), Thế giới nghệ thuật thơ Chế Lan Viên, NXB văn học, Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Bích Hải (2006), Thi pháp thơ Đường, NXB Thuận Hóa, Huế.
26. Dương Quảng Hàm (1950). Việt Nam văn học sử yếu, Quốc gia GD, HN.
27. Nguyễn Văn Hanh (1936), Hồ Xuân Hương, tác phẩm, thân thế và văn tài, Văn học Việt Nam thế kỷ XX, Quyển năm, tập III, NXB Văn học, HN, trang 447 -486.
28. Nguyễn Văn Hạnh (1985), Thơ Tố Hữu, Tiếng nói đồng ý, đồng tình, đồng chí, NXB Thuận Hóa, Huế.
29. Hêghen (1999), Mỹ học, tập 1, NXB Văn học, Hà Nội.
30. Phạm Ngọc Hiền (2009), Mấy vấn đề dạy học văn theo hướng thi pháp học, Nghiên cứu văn học, số 4, trg 111-118.
31. Đào Duy Hiệp (2007), Phê bình văn học từ lý thuyết hiện đại, NXB Giáo dục, Hà Nội.
32. Lưu Hiệp (2007), Văn tâm điều long, NXB Hội nhà văn, Hà Nội.
33. Đỗ Đức Hiểu (2000), Thi pháp hiện đại, NXB Hội nhà văn, HN.
34. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác -Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (2004), Giáo trình Triết học Mác-Lê nin, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. Lê Ngọc Hùng (2009), Lịch sử và Lý thuyết xã hội học, NXB ĐHQGHN, Hà Nội.

36. Phạm Thành Hưng (2006), Một đỉnh chính cần thiết về vị trí chức năng thẩm mỹ của văn học, Những vấn đề mới trong nghiên cứu và giảng dạy văn học, NXB ĐHQGHN, trang 59 - 65.
37. Trần Đình Hượu (1999), Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại, NXBGD, Hà Nội.
38. Mai Hương - Phong Lan tuyển chọn, giới thiệu (1999), Tố Hữu, Về tác gia, tác phẩm, NXB Giáo dục, Hà Nội.
39. I.P.Ilin - E.A.Tzurganova (2003), Các khái niệm và thuật ngữ của các trường phái nghiên cứu văn học ở Tây Âu và Hoa Kỳ thế kỷ XX, NXB ĐHQGHN, Hà Nội
40. Nguyễn Thị Dự Khánh (2009), Thi pháp học và vấn đề giảng dạy văn học trong nhà trường, NXB Giáo dục, Hà Nội.
41. Nguyễn Bách Khoa (1945), Văn chương Truyện Kiều, Tuyển tập phê bình văn học Việt Nam, tập 3, NXB Văn học 1998, Hà Nội, trang 464 -472.
42. Nguyễn Bách Khoa (1956): "Truyện Kiều" và thời đại Nguyễn Du, NXB Xây dựng, Hà Nội.
43. M.B.Khrapchenko (1978), Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển văn học, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội.
44. M.B.Khrapchenko (1984), Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người, NXB KHXH, Hà Nội.
45. M.B.Khrapchenko (2002), Những vấn đề lý luận và phương pháp luận nghiên cứu văn học, NXB ĐHQGHN, Hà Nội.
46. Nguyễn Xuân Kính (2004), Thi pháp ca dao, NXBĐHQGHN, Hà Nội.
47. Lê Đình Kỵ (1970), Truyện Kiều và Chủ nghĩa hiện thực của Nguyễn Du, NXB KHXH, Hà Nội.
48. Lê Đình Kỵ (1999), Phê bình nghiên cứu văn học, NXB Giáo dục, HN.
49. Nguyễn Lai (1991), Sức mạnh lý giải của hệ thống qua công trình "Thi pháp thơ Tố Hữu", Ngôn ngữ và sáng tạo văn học, NXB KHXH, HN, trang 90-100.
50. Mã Giang Lân (2000), Tìm hiểu thơ, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
51. D.S.Likhachev (1989), Thời gian nghệ thuật của tác phẩm văn học, Tạp chí văn học, số 3, trang 60 - 65.

52. Vũ Quốc Long (1995), Những đóng góp về mặt lý luận và phương pháp nghiên cứu văn học của Đặng Thai Mai (từ trước cách mạng - 1975), LATS ngữ văn, Hà Nội.
53. Iu.M.Lotman (2007), Cấu trúc văn bản nghệ thuật, NXB ĐHQGHN, HN.
54. Nguyễn Lộc (1999), Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - hết thế kỷ XIX, NXB Giáo dục, HN.
55. Phan Trọng Luận chủ biên (1998), Phương pháp dạy học văn, NXB ĐHQGHN, HN.
56. Phương Lưu (2009), Lý luận văn học trên đường hội nhập và phát triển, NCVH, số 4, trang 3-10.
57. C.Mác -Ph.Ăngghen - V.I.Lên nin (1977), Về văn học và nghệ thuật, NXB Sự thật, HN.
58. Trần Thanh Mai (2004), Toàn tập, tập 3, NXB Văn học, HN.
59. Nguyễn Đăng Mạnh (2002), Con đường đi vào thế giới nghệ thuật của nhà văn, NXB Giáo dục, HN.
60. Phan Ngọc (1985), Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều, NXB KHXH, HN.
61. Lã Nguyên (1989), Một hướng nghiên cứu có triển vọng (về cuốn chuyên luận Thi pháp thơ Tố Hữu của Trần Đình Sử NXB Tác phẩm mới), TCVH, số 3, trang 74-78.
62. Lã Nguyên (2004), Thi pháp Truyện Kiều của Trần Đình Sử và giới hạn của những cách đọc, NCVH, số 9, trang 63-74.
63. Vương Trí Nhàn (1996), Lời bạt, Lý luận và phê bình văn học, NXB Hội nhà văn, trang 325 -330.
64. Đoàn Đức Phương (2005), Nguyễn Bính - hành trình sáng tạo thi ca, NXB GD, HN.
65. Trương Hữu Quýnh chủ biên (2000), Đại cương lịch sử Việt Nam, tập I, NXB Giáo dục, HN.
66. Chu Văn Sơn (2009), Nhà thi pháp học Trần Đình Sử đôi điều cảm nhận, Văn học và tuổi trẻ, số tháng 11, tr 2-6
67. Trần Đình Sử (1987), Thi pháp thơ Tố Hữu, NXB Tác phẩm mới, HN.
68. Trần Đình Sử (1993), Một số vấn đề về thi pháp học hiện đại, Vụ giáo viên.

69. Trần Đình Sử (1996), Lý luận và phê bình văn học, NXB Hội nhà văn, HN.
70. Trần Đình Sử (1998), Dẫn luận thi pháp học, NXB Giáo dục, HN.
71. Trần Đình Sử (1999), Mấy vấn đề thi pháp văn học trung đại Việt Nam, NXB Giáo dục, Hà Nội.
72. Trần Đình Sử (2001), Thi pháp Truyện Kiều, NXB Giáo dục, HN.
73. Trần Đình Sử (2001), Văn học và thời gian, NXB Văn học, HN.
74. Trần Đình Sử chủ biên (2004), Tự sự học, một số vấn đề lý luận và lịch sử, NXB ĐHSP, HN.
75. Trần Đình Sử chủ biên (2008), Tự sự học, một số vấn đề lý luận và lịch sử, NXB ĐHSP, HN.
76. Trần Đình Sử (2005), Tuyển tập, tập 1, NXB Giáo dục, HN.
77. Trần Đình Sử (2005), Tuyển tập, tập 2, NXB Giáo dục, HN.
78. Trần Đình Sử (2009), Thi pháp học hiện đại trong nghiên cứu văn học ở Việt Nam thế kỷ XX, NCVH, số 2, trang 13-25.
79. Trần Đình Sử - Nguyễn Thanh Tú (2001), Thi pháp Truyện ngắn trào phúng Nguyễn Công Hoan, NXB Giáo dục, HN.
80. Trần Đình Sử (2008), Tính nhân văn trong phê bình văn học hôm nay, Văn nghệ Quân đội, số 693 tháng 12, trang 102-107.
81. Trần Đình Sử (2009), Con đường đổi mới căn bản phương pháp dạy học văn, Văn nghệ, số 10, trang 10, 22.
82. Hoài Thanh - Hoài Chân (1998), Thi nhân Việt Nam, NXB Văn học, HN.
83. Trần Khánh Thành (2002), Thi pháp thơ Huy Cận, NXB Giáo dục, HN.
84. Trần Khánh Thành (2006), Đặng Thai Mai, Nhà nghiên cứu văn học xuất sắc, Những vấn đề mới trong nghiên cứu và giảng dạy văn học, NXB ĐHQGHN, trang 111-119.
85. Trần Nho Thìn (2008), Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa, NXB Giáo dục, HN.
86. Lý Hoài Thu (1997), Thơ Xuân Diệu trước cách mạng tháng Tám - 1945, NXBGD, HN.
87. Đỗ Lai Thuý (1989) Thi pháp học và thi pháp thơ Tố Hữu, Văn nghệ số 37, trang 3.

88. Đỗ Lai Thúy (2005), Phương pháp phê bình thi pháp học, Văn hóa nghệ thuật, số 8, trang 12 -18.
89. Đỗ Lai Thúy (2009) Tiếp cận văn học từ hệ thống văn hoá, văn hoá nghệ thuật, số 305, tháng 11, trg 57-60.
90. Lộc Phương Thủy chủ biên (2007), Lý luận - phê bình văn học thế giới thế kỷ XX, tập 1, NXB Giáo dục, HN
91. Lộc Phương Thủy chủ biên (2007), Lý luận - phê bình văn học thế giới thế kỷ XX, tập 2, NXB Giáo dục, HN
92. Hoàng Trinh (1992), Từ kí hiệu học đến thi pháp học, NXB KHXH, HN.
93. Trung tâm KHXH&NV Quốc gia, Viện thông tin khoa học xã hội (2001), Văn học sử những quan niệm mới, những tiếp cận mới, Thông tin KHXH - chuyên đề, HN.
94. Từ điển thuật ngữ văn học (2000), Chủ biên Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, NXB ĐHQGHN, HN.
95. Từ điển Tiếng Việt (1997), Hoàng Phê chủ biên, NXB Đà Nẵng, Trung tập từ điển học, Đà Nẵng.
96. Văn học 11 (2000), tập 1, Phần văn học Việt Nam, NXB Giáo dục, HN.
97. Văn nghệ, Văn nghệ trẻ (2009) số 10, 13, 14, 16, 19, 21, 22, 23, 24, 27, 28,29.
98. Tiền Trung Văn(2007), Ba mươi năm lí luận văn học: Thành tựu, cục diện và vấn đề, NCVH, số 10, trang 20-33.
99. Trần Ngọc Vương (1998), Văn học Việt Nam dòng riêng giữa nguồn chung, NXB Giáo dục, HN.
100. Trần Ngọc Vương (1999), Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam, NXB ĐHQG HN, HN.
101. René Wellek (2009), Khái niệm về hình thức và kết cấu của phê bình văn nghệ thế kỷ XX, Văn học nước ngoài, số 2, trang 122-133.